TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 31-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Chiếm

Bà Huỳnh Thị Bạch Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bé Hai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981; Cư trú tại: Số 06 đường L, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1967; Cư trú tại: Số 09 đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 01/8/2018).

- *Bị đơn*: Ông Võ Ngọc Tâm, sinh năm 1989; Cư trú tại: Số 108 đường Huỳnh Văn Tạo, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1967; Cư trú tại: Số 09 đường N, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông Đ xin vắng mặt, ông T1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2018 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh Đ đại diện cho nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vào năm 2018, ông Võ Ngọc T1 có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 290.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, cụ thể các lần vay: ngày 16/6/2018 vay 40.000.000 đồng, ngày 19/6/2018 vay 230.000.000 đồng và ngày 20/6/2018 vay 20.000.000 đồng.

Khi vay tiền, ông Đ là người đưa tiền cho ông T1. Ông T1 có đưa cho ông Đ giữ 01 thẻ Chứng minh Công an nhân dân và 01 thẻ đảng viên. Sau khi vay, đến hạn trả nợ nhưng ông T1 chưa trả cho M số tiền gốc đã vay và tiền lãi. Nay ông Đ đại diện cho nguyên đơn yêu cầu ông T1 phải trả cho ông M số tiền 290.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Ngọc T1 trình bày:

Vào tháng 8/2017 không nhớ ngày, ông có vay của ông Nguyễn Minh Đ số tiền lần lượt là 20.000.000 đồng và 10.000.000 đồng, ông Đ có giữ của ông thẻ Chứng M Công an nhân dân và thẻ đảng viên. Vào tháng 10/2017, ông có trả tiền lãi cho ông Đ và ông có vay thêm của ông Đ số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay, đối với các lần vay trên ông Đ yêu cầu ông ghi trong giấy biên nhận là vay của ông Nguyễn Văn M, lãi suất thỏa thuận là 20% tháng (trong biên nhận không thể hiện lãi suất), thời hạn mỗi lần vay là 01 tháng. Sau đó, ông không có tiền trả lãi cho ông Đ, ông Đ yêu cầu ông cộng vốn gốc và lãi với lãi suất 20%/tháng và viết lại 03 biên nhận tiền cụ thể: ngày 16/6/2018 vay 40.000.000 đồng, ngày 19/6/2018 vay 230.000.000 đồng; ngày 20/6/2018 vay 20.000.000 đồng, tổng cộng là 290.000.000 đồng. Hiện nay, ông đã bị cho thôi việc, hoàn cảnh ông đang khó khăn, ông đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của ông Đ, nhưng xin trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Minh Đ đại diện của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Võ Ngọc T1 có vay và chưa trả cho ông M số tiền 290.000.000 đồng và lãi suất. Việc ông T1 xin trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn. Căn cứ điều: 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Võ Ngọc T1 là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Võ Ngọc T1 có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Minh Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn do ông Nguyễn Minh Đ đại diện thấy rằng: Căn cứ vào 03 giấy biên nhận ghi các ngày 16/6/2018, 19/6/2018, 20/6/2018 thể hiện ông Võ Ngọc T1 có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 290.000.000 đồng, thời gian vay trong tháng và không thỏa thuận lãi suất. Như vậy, giữa ông M và ông T1 có xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản theo quy định Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét lời trình bày của ông Võ Ngọc T1 cho rằng số tiền vay là ông T1 vay của ông Đ, ông Đ yêu cầu ghi tên trong giấy biên nhận là ông Nguyễn Văn M, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 07/5/2019 ông Đ trình bày số tiền ông T1 vay là tiền của ông M cho ông T1 vay. Do đó cần xác định số tiền ông M yêu cầu ông T1 trả là tài sản của ông M và ông M là nguyên đơn trong vụ kiện là có căn cứ.

[5] Xét lời trình bày của ông Võ Ngọc T1 cho rằng số tiền vay 290.000.000 đồng trong đó có tiền lãi do ông T1 chưa trả nên ông Đ yêu cầu viết giấy nhận nợ cộng dồn lãi vào gốc. Tuy nhiên, ông Đ xác định số tiền 290.000.000 đồng mà ông T1 đã vay của ông M không có tiền lãi mà là tiền gốc. Căn cứ vào nội dung biên nhận không thể hiện có tiền lãi; mặt khác, ông T1 không có chứng cứ gì chứng M trong số tiền 290.000.000 đồng là bao gồm tiền lãi. Tại phiên tòa, ông T1 đồng ý trả số tiền 290.000.000 đồng và tiền lãi. Do đó, cần xác định số tiền 290.000.000 đồng là số tiền gốc ông T1vay và còn nợ ông M chưa trả.

[6] Xét yêu cầu của ông M do ông Đ đại diện yêu cầu ông T1 trả tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử theo quy định pháp luật, thấy: Như phân tích tại mục [4], số tiền 290.000.000 đồng là tiền gốc, ông T1chưa thực hiện việc trả lãi cho ông M. Về lãi suất: hai bên đều xác định có thỏa thuận lãi suất, ông Đ xác định là 1,5%/tháng, còn ông T1 trình bày là 20% tháng, như vậy hai bên không thống nhất về mức lãi suất thỏa thuận và trong biên nhận cũng thể hiện việc thỏa thuận lãi suất. Do đó cần áp dụng Khoản 5 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi, cụ thể:

- *Số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 16/6/2018:*

+ Tiền lãi trong hạn: 40.000.000 đồng x 0,83% x 1 tháng (Từ 16/6/2018 đến 16/7/2018) = 332.000 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn: 40.000.000 đồng x 1,24% x 10 tháng 14 ngày (Từ 17/7/2018 đến 31/5/2019) = 5.191.466 đồng;

+ Tiền lãi chậm trả lãi: 332.000 đồng x 0,83% x 10 tháng 14 ngày (Từ 17/7/2018 đến 31/5/2019) = 28.900 đồng;

- *Số tiền vay 230.000.000 đồng vào ngày 19/6/2018:*

+ Tiền lãi trong hạn: 230.000.000 đồng x 0,83% x 1 tháng (Từ 19/6/2018 đến 19/7/2018) = 1.909.000 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn: 230.000.000 đồng x 1,24% x 10 tháng 11 ngày (Từ 20/7/2018 đến 31/5/2019) = 29.565.733 đồng;

+ Tiền lãi chậm trả lãi: 1.909.000 đồng x 0,83% x 10 tháng 11 ngày (Từ 20/7/2018 đến 31/5/2019) = 158.958 đồng;

- *Số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 20/6/2018:*

+ Tiền lãi trong hạn: 20.000.000 đồng x 0,83% x 1 tháng (Từ 20/6/2018 đến 20/7/2018) = 166.000 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn: 20.000.000 đồng x 1,24% x 10 tháng 10 ngày (Từ 21/7/2018 đến 31/5/2019) = 2.562.666 đồng;

+ Tiền lãi chậm trả lãi: 166.000 đồng x 0,83% x 10 tháng 10 ngày (Từ 21/7/2018 đến 31/5/2019) = 14.237 đồng;

Như vậy, tổng cộng tiền lãi: 332.000 đồng + 5.191.466 đồng + 28.841 đồng + 1.909.000 đồng + 29.565.733 đồng + 158.958 đồng + 166.000 đồng + 2.562.666 đồng + 14.237 đồng = 39.928. 901 đồng.

[7] Cần buộc ông T1 trả cho ông M số tiền vay gồm nợ gốc là 290.000.000 đồng và nợ lãi là 39.928.901 đồng, tổng cộng là 329.928.901 đồng là phù hợp.

[8] Xét yêu cầu trả dần nợ vay của bị đơn theo phương thức mỗi tháng trả số tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, thấy: Ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông M, nay lại yêu cầu trả dần số nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 07/5/2019, ông Đ đại diện nguyên đơn không đồng ý cho ông T1 trả dần số nợ đã vay. Do đó, yêu cầu trả dần số tiền nợ của ông T1 là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Đối với giấy Chứng minh Công an nhân dân và thẻ đảng viên của ông T1 do ông Đ đang giữ: Tại phiên tòa, ông T1 không có yêu cầu lấy lại giấy tờ này, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí trên số tiền phải hoàn trả cho ông M theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Minh Đ đại diện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với ông Võ Ngọc T1.

Buộc ông Võ Ngọc T1 phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền vay gồm nợ gốc và nợ lãi là 329.928.901 (Ba trăm hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn chín trăm lẻ một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Võ Ngọc T1 phải chịu 16.496.445 (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi lăm) đồng.

2.2. Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí là 7.250.000 (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng do ông Nguyễn Minh Đ nộp theo Biên lai thu số 0002358 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Chiếm – Huỳnh Thị Bạch Lan	**Huỳnh Thị Phượng**

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh
- VKDND TP
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- THA, AV, Lưu.

Huỳnh Thị Phượng